



Phụ lục X

KHUNG QUẢN TRỊ, QUẢN LÝ DỮ LIỆU LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Khung quản trị, quản lý dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp tại Điều 10 Thông tư này quy định 6 lớp khung và nguyên tắc tổ chức, thực hiện quản trị, quản lý, tạo lập, thu thập, cập nhật, lưu trữ, khai thác, sử dụng dữ liệu. Nội dung căn cứ Khung quản trị ngành. Ma trận trách nhiệm tại Phụ lục XI; quy trình vòng đời tại Phụ lục XII; KPI tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này.

1. Các lớp của khung quản trị, quản lý dữ liệu

Lớp khung	Nội dung chính	Phụ lục liên quan
Chính sách và quy chế	Quy chế quản trị dữ liệu (DL), hướng dẫn thực hiện	Thông tư; Phụ lục XI
Tổ chức và trách nhiệm	Giao trách nhiệm, thực hiện (ma trận RACI)	Phụ lục XI
Quy trình và vòng đời	7 giai đoạn quản lý vòng đời dữ liệu	Phụ lục XII
Tiêu chuẩn và danh mục	Kiến trúc, danh mục dữ liệu, Từ điển, SDL	Phụ lục II–VIII, XIV–XVI
Đo lường và cải tiến	KPI, đánh giá định kỳ và cải tiến chất lượng	Phụ lục XIII
An toàn và tuân thủ	Phân loại, bảo mật, nhật ký, sao lưu	Điều 13; Phụ lục XI, XII, XVI

2. Nguyên tắc vận hành khung

- Thống nhất với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia và Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia.

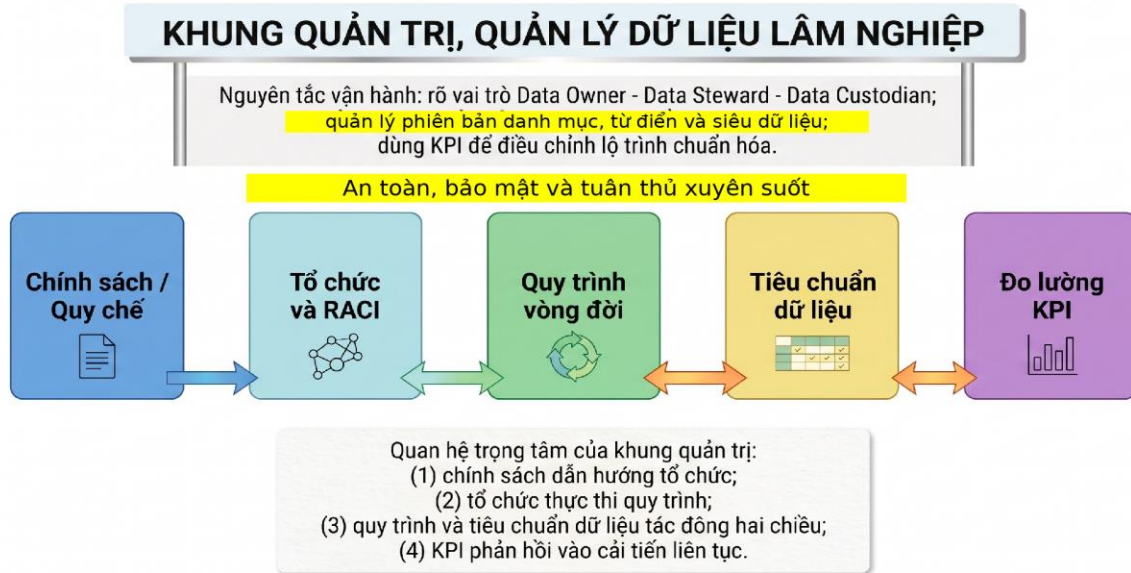
- Việc tổ chức quản trị, quản lý dữ liệu bảo đảm phân công Người chịu trách nhiệm quản trị, quản lý dữ liệu và các bộ phận chức năng theo Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, gồm: bộ phận tuân thủ; bộ phận quản trị dữ liệu; bộ phận kỹ thuật dữ liệu; bộ phận tạo lập dữ liệu; bộ phận đổi mới sáng tạo. Vai trò chủ sở hữu dữ liệu (Data Owner), người quản trị dữ liệu (Data Steward) và người lưu giữ dữ liệu (Data Custodian) được ánh xạ tương thích với Người chịu trách nhiệm quản trị, quản lý dữ liệu và các bộ phận chức năng nêu trên theo quy chế quản trị, quản lý dữ liệu. Việc phân công chức năng không mặc nhiên thành lập đơn vị mới; quyền phê duyệt và nhiệm vụ trình Bộ trưởng thực hiện theo Điều 10, Điều 21. Cục Chuyển đổi số đảm nhiệm hạ tầng, nền tảng và phối hợp kỹ thuật; cơ quan quản lý nghiệp vụ chịu trách nhiệm nội dung dữ liệu.

- Lộ trình kiện toàn tổ chức quản trị, quản lý dữ liệu gồm: (a) Rà soát, phân công người chịu trách nhiệm và các bộ phận chức năng; (b) Chuẩn hóa năng lực và cơ chế phối hợp; (c) Vận hành, đánh giá và cải tiến thường xuyên. Lộ trình chuyển đổi dữ liệu lịch sử thực hiện theo Điều 14; thời hạn và sản phẩm được xác định trong phương án được duyệt.

Quản lý an ninh, an toàn dữ liệu thực hiện theo Điều 13. Thay đổi danh mục, từ điển, siêu dữ liệu phải được rà soát, phê duyệt, quản lý phiên bản đúng thẩm quyền.

- Kết quả đánh giá KPI là đầu vào điều chỉnh lộ trình chuẩn hóa, kết nối và công bố dữ liệu mở.

3. Sơ đồ Khung quản trị, quản lý dữ liệu



4. Khung chiều chất lượng dữ liệu

Chiều chất lượng	Định nghĩa áp dụng	Liên kết đo lường
Chính xác (Accuracy)	Dữ liệu phản ánh đúng thực tế nghiệp vụ và nguồn gốc	Đối soát giá trị với nguồn chính thức
Đầy đủ (Completeness)	Dữ liệu có đủ trường bắt buộc và giá trị không thiếu	Kiểm tra đủ trường nghiệp vụ bắt buộc; KPI-01 đo riêng mức đáp ứng siêu dữ liệu
Nhất quán (Consistency)	Dữ liệu thống nhất giữa các hệ thống, thời điểm và đơn vị	Đối soát DLC/DM giữa nguồn và bản đồng bộ; kiểm tra cùng đối tượng, phiên bản và thời điểm
Kịp thời (Timeliness)	Dữ liệu cập nhật đúng tần suất và thời hạn quy định	SLA Phụ lục XI; KPI-04
Hợp lệ (Validity)	Dữ liệu tuân thủ định dạng, miền giá trị và quy tắc nghiệp vụ	Quy tắc PL XV; danh mục DM
Duy nhất (Uniqueness)	Không trùng lặp bản ghi, mã định danh duy nhất	Khóa chính; KPI-03; nguyên tắc Single-writer

Handwritten signature